**MÔN TOÁN**

## Bài 48. CHU VI HÌNH TRÒN (TIẾT 1)

##### I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT

-Nhận biết được cách hình thành quy tắc và công thức tính chu vi hình tròn.

-Tính được chu vi hình tròn.

-Giải quyết được một số vấn đề đơn giản liên quan đến chu vi hình tròn.

-HS có cơ hội để phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học; sử dụng các công cụ, phương tiện học toán; giao tiếp toán học; mô hình hoá toán học; giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm và nhân ái.

##### II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

**1.GV:** Các miếng bìa cứng hình tròn đường kính 5 cm hoặc 10 cm (đủ để mỗi nhóm HS sử dụng một miếng bìa. Phân nửa số nhóm dùng bìa đường kính 5 cm, nửa còn lại dùng bìa đường kính 10 cm).

**2.HS:** Mỗi nhóm HS một băng giấy trắng hình chữ nhật có chiều dài 35 cm, chiều rộng 1,5 cm.c hoạt động dạy học chủ yếu

##### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1.Hoạt động Mở đầu (5’)** | |
| – GV treo hoặc trình chiếu hình ảnh phần Khởi động cho HS quan sát. | – HS quan sát hình ảnh phần Khởi động, phân tích các bóng nói (từ trái sang phải). |
| * GV giới thiệu bài.   Độ dài của một đường tròn gọi là chu vi của hình tròn đó.   * Nội dung bài:   + Xây dựng công thức và quy tắc tính chu vi hình tròn.  + Tính được chu vi hình tròn khi biết đường kính hoặc bán kính. |  |
| **2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới: Chu vi hình tròn (10’)** | |
| **Hoạt động 1. Tìm hiểu cách tính chu vi của hình tròn** | |
| – GV giao việc cho các nhóm (xem phần  Cùng học). | – HS trong nhóm thảo luận, thực hiện theo  hướng dẫn của GV. |
| Dùng sợi dây (hoặc băng giấy) khoanh theo  đường tròn đủ một vòng 🡪 Dùng bút đánh  dấu trên sợi dây (hoặc băng giấy) |  |
| 5 cm |
| 🡪 Dùng thước có vạch mi-li-mét đo  chiều dài băng giấy đã đánh dấu theo đơn vị mi-li-mét.  🡪 Đổi đơn vị sang xăng-ti-mét  🡪 Chia số đo chu vi cho độ dài đường kính  (thương lấy đến hai chữ số ở phần thập phân). |  |
|  |
|  |
| – Sửa bài, các nhóm trình bày, GV hệ thống. Ví dụ: | – HS trình bày.  Ví dụ: |
|  | Chu vi: 314 mm = 31,4 cm  Đường kính: 10 cm   1. : 10 = 3,14   … |
| **\*Hoạt động 2: Cách tính chu vi của hình tròn** | |
| * + GV yêu cầu HS dựa vào bảng để đưa ra nhận xét về kết quả C : d.   + GV: Người ta đã tìm ra con số này là 3,14 (nếu lấy hai chữ số ở phần thập phân)   🡪 Vậy C : d = ?  Muốn tính chu vi của hình tròn ta làm gì?   * + GV viết công thức tính chu vi hình tròn trên bảng lớp.   C = d × 3,14 hay C = 3,14 × d  C = r × 2 × 3,14 hay C = 3,14 × 2 × r  trong đó C là chu vi, d và r lần lượt là độ dài đường kính và bán kính hình tròn.  *Lưu ý:* Không bắt buộc HS viết đủ hai cách.   * + GV nêu yêu cầu của ví dụ.   + Tính chu vi của hình tròn đường kính 20 cm.  + Tính chu vi của hình tròn bán kính 1,5 m. | * Dựa vào bảng, HS nhận xét. Kết quả C: d khoảng 3,1.   🡪 Vậy C : d = 3,14.  Muốn tính chu vi của hình tròn, ta lấy độ dài đường kính nhân với số 3,14.   * Vài HS lặp lại. * HS viết vào bảng con.   C = d × 3,14 hay C = 3,14 × d  C = r × 2 × 3,14 hay C = 3,14 × 2 × r   * HS thực hiện vào bảng con. 20 × 3,14 = 62,8 (cm).   1,5 × 2 × 3,14 = 9,42 (m). |
| **3.Hoạt động Luyện tập – Thực hành(17’)** | |
| ***Thực hành*** |  |
| **Bài 1:** | – HS **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu và  **thực hiện** cá nhân (bảng con). |
|  |
| – Khi sửa bài, GV lưu ý HS nêu quy tắc,  công thức tính chu vi hình tròn. | a) 3 × 3,14 = 9,42 (m) |
| b) 4,2 × 3,14 = 13,188 (dm) |
|  | c) 3 x 3,14 = 2, 355 (cm) |
|  | 4 |
|  | – HS nêu quy tắc, công thức tính chu vi của  hình tròn. |
|  |
|  | Ví dụ: Để tính chu vi của hình tròn, ta lấy  đường kính nhân với số 3,14. |
|  |
|  | … |
| **Bài 2:** Thực hiện tương tự Bài 1. | – HS **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu và  **thực hiện** cá nhân (bảng con). |
| – Khi sửa bài, GV lưu ý HS nêu quy tắc,  công thức tính chu vi của hình tròn. |
| a) 36 × 2 × 3,14 = 226,08 (mm) |
| *Lưu ý:* Bài Thực hành 1 và 2, GV có thể  vận dụng phương pháp nhóm các mảnh ghép để tổ chức cho HS thực hiện  🡪 Nhận biết sự khác nhau khi chọn công thức tính chu vi của hình tròn: đường kính nhân với số 3,14; bán kính phải nhân 2 rồi mới nhân với số 3,14.  … | b) 0,7 × 2 × 3,14 = 4,396 (cm)  c) 1 x 2 x 3,14 = 3,14 (m)  2  – HS nêu quy tắc, công thức tính chu vi của hình tròn.  Ví dụ: Để tính chu vi của hình tròn, ta lấy bán kính nhân 2 rồi nhân với số 3,14.  … |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .(3’)** | |
| – GV đặt câu hỏi: Nêu cách tính chu vi hình tròn và công thức tính chu vi hình tròn  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương | -Hs trả lời  -HS lắng nghe |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** (nếu có)

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………